| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 5 –AN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự D – Hạnh phúc** |

Bản án số: 298/2025/DS-ST
Ngày: 10-12-2025
*V/v: "Tranh chấp yêu cầu công nhận di chúc hợp pháp, quyền thừa kế theo di chúc, tháo dỡ di dời nhà giao trả đất được thừa hưởng, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp do được di tặng"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 -AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Văn Mẫn
2. Ông Hà Bửu Khánh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Mỹ Nhan - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 tháng 8 năm 2025 và ngày 10 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 266/2020/TLST-DS, ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp: *"yêu cầu công nhận di chúc hợp pháp, quyền thừa kế theo di chúc, tháo dỡ di dời nhà giao trả đất được thừa hưởng, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp do được di tặng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 270/2025/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị P, sinh năm: 1979 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (Nay là ấp T, xã T, tỉnh An Giang)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Thị P: Ông Huỳnh Văn D, sinh năm: 1966 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (Nay là ấp T, xã T, tỉnh An Giang)

- *Bị đơn*: Bà Huỳnh Thị Ngọc A (Huỳnh Ngọc A), sinh năm: 1954 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (Nay là ấp T, xã T, tỉnh An Giang).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Cao Thị Tố Quyên – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý số 01 tỉnh An Giang (có mặt)

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Huỳnh Văn D, sinh năm: 1966 (có mặt)
2. Ông Huỳnh Văn B, sinh năm: 1954 (có đơn xin vắng mặt)
3. Bà Huỳnh Thị Mai, sinh năm: 1969 (có đơn xin vắng mặt)
4. Bà Huỳnh Thị L, sinh năm: 1961 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (Nay là ấp T, xã T, tỉnh An Giang).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị P và người đại diện theo ủy quyền ông Huỳnh Văn D trình bày: Vào ngày 04/10/2007, cha của ông bà là cụ Huỳnh Văn T có làm tờ di chúc để lại cho bà P thừa hưởng toàn bộ phần đất ruộng 02 công 02 góc tư tầm 03m và phần đất bờ xáng có chiều ngang 21m x dài 45m từ mé sông chạy thẳng vào trong, phần đất này thuộc thửa 328, tờ bản đồ 04, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp T, xã T, tỉnh An Giang), đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thể hiện tại "Giấy chứng nhận thực trạng diện tích ruộng đất" ngày 08/9/1982. Tuy nhiên, qua thực tế xem xét thẩm định tại chỗ đất tranh chấp, ông bà xác định phần đất tranh chấp là một phần thuộc thửa 314 và 322, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp T, xã T, tỉnh An Giang, hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Di chúc do cụ T lập, tuy nhiên không rõ ai là người viết bản di chúc, các anh em thống nhất ký tên vào di chúc và được ông Nguyễn Thanh Ngói đại diện chính quyền xác nhận. Sau đó, cụ T đã giao di chúc trên và giấy tờ đất cho ông Huỳnh Văn D là anh trai đại diện cho bà P giữ và quản lý. Tuy nhiên, đến năm 2012, khi cụ T mất, bà anh có xin bà P cho mượn phần đất bờ xáng để cất nhà ở. Vì nghĩ tình nghĩa chị em nên bà cũng chấp nhận nhưng sau đó bà A bao chiếm và sử dụng cất nhà kiến cố, bà P có ngăn cản nhưng bà A vẫn cố tình cất. Mặc khác, bà A còn bao chiếm nửa công đất ruộng thuộc thửa 314 mà cha bà đã để di chúc lại cho bà và còn nhổ tràm do ông D trồng làm thiệt hại số tiền là 15.000.000 đồng. Bà P xác định bà khởi kiện yêu cầu công nhận tờ di chúc do cụ Huỳnh Văn T lập ngày 04/10/2007 là hợp pháp, công nhận quyền thừa hưởng theo di chúc cho bà P đối với diện tích đất nêu trên, buộc bà Huỳnh Ngọc A phải tháo dỡ nhà di dời đi nơi khác giao trả lại diện tích đất trên cho bà P sử dụng. Ngoài ra, bà P còn yêu cầu bà A bồi thường thiệt hại cây trồng do bà A đã nhổ bỏ tràm trên phần đất ruộng 0,5 công của bà đã cấy tràm trồng trên đất với số tiền là 15.000.000 đồng.

Tại bản khai và tại đơn phản tố, phản tố bổ sung, bị đơn bà Huỳnh Ngọc A trình bày: Bà không thừa nhận tờ di chúc lập ngày 04/10/2007 là hợp pháp, không công nhận quyền thừa kế theo di chúc cho bà P đối với diện tích đất như bà P đã yêu cầu, bà không đồng ý tháo dỡ nhà di dời đi để trả đất cho bà P. Bà xác định trong phần đất tranh chấp, bà P yêu cầu bà giao trả có một phần của bà được cụ Huỳnh Văn T cắt chia cho bà trong số đất đã cho bà P, cụ thể cụ T cho bà 0,5 công đất tràm và phần đất bờ xáng có chiều ngang 07m x dài 45m, việc cụ T cho đất bà thể hiện tại: "Giấy cắt đất cho con" lập ngày 07/7/2009. Lý do cụ T cắt chia cho bà phần đất này D bà có công nuôi dưỡng chăm sóc cụ. Chính vì có tờ cho đất này, bà mới được chính quyền địa phương hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà đồng đội cho bà vì bà có công với cách mạng, không có việc bà hỏi mượn đất như bà P đã trình bày. Bà A xác định bà phản tố, phản tố bổ sung yêu cầu công nhận: "Giấy cắt đất cho con" D cụ Huỳnh Văn T lập ngày 07/7/2009 là hợp pháp. Bà yêu cầu công nhận cho bà quyền thừa hưởng phần đất được chia theo "Giấy cắt đất cho con" nêu trên, cụ thể diện tích đất bờ xáng ngang 7m x dài 42m và ½ công đất tràm. Còn việc bà P khởi kiện yêu cầu bà bồi thường thiệt hại số tiền là 15.000.000 đồng, bà không đồng ý vì phần đất bà được cụ T di tặng nhưng bà P, ông D ngang nhiên trồng tràm trên phần đất của bà nên bà có nhổ bỏ và chặt bỏ để sử dụng đất, bà không nhổ tràm trên đất bà P - ông D.

*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

*Tại biên bản lấy lời khai ông Huỳnh Văn B, bà Huỳnh Thị Mai, Huỳnh Thị L trình bày*: Các ông bà thừa nhận mối quan hệ huyết thống với bà A, bà P và ông D và xác định là con của cụ Huỳnh Văn T và cụ Nguyễn Thị The. Các ông bà xác định cha mẹ các ông bà có tất cả bảy người con trong đó có ông Huỳnh Văn Phu đã chết vào năm 2019. Riêng cụ T và cụ The chết vào năm nào các ông bà không nhớ chính xác. Cụ T và cụ The không có con riêng, con ngoài giá thú, con nuôi. Các ông bà xác định phần đất bà P – bà A đang tranh chấp có nguồn gốc của cha các ông bà Huỳnh Văn T khai phá. Khi còn sống, cha các ông bà cũng đã chia đất cho các con và đều có làm giấy tờ cho đất nhưng đã được cấp giấy hay chưa thì các ông bà không rõ. Nay ông bà xác định ý chí cụ T đã cho ai thì người đó hưởng, các ông bà không tranh chấp hay yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng các phần đất trên đối với bà P và bà A. Các ông bà có ý kiến đề nghị bà P – bà A xem xét, phần ai được cho bao nhiêu thì hưởng bấy nhiêu, cha các ông bà đã thể hiện ý chí cho đất cho con nên đề nghị bà P, bà A xem xét thực hiện cho đúng ý chí của cụ T. Còn đất của cụ T gồm có thửa đất nào diện tích bao nhiêu, ai đứng tên, bản thân các ông bà là con nhưng cũng chưa nắm rõ, đất cụ T gồm những thửa đất nào, vị trí tọa lạc. Nay phía bà P - bà A tranh chấp, các ông bà không ý kiến đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật. Các ông bà xác định không yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật và trường hợp buộc phải chia, phần của các ông bà được thừa hưởng các ông bà từ chối nhận.

Ông Huỳnh Văn D trình bày: Ông là con cụ Huỳnh Văn T và cụ Nguyễn Thị The và xác định có mối quan hệ huyết thống với bà A - bà P. Khi còn sống cụ T đã cho con gái út Huỳnh Thị P phần đất như đã trình bày và cụ T có làm di chúc. Di chúc do cụ T viết, có thể hiện phần đất cho bà P giáp đất Huỳnh Văn D và các

vị trí tiếp giáp khác. Do bà P bị bệnh không được bình thường như người khác nên cha ông, cụ T đã giao toàn bộ giấy tờ để ông giữ dùm cho bà P và lo cho bà P cho đến trăm tuổi. Vì vậy, lợi dụng việc bà P khờ khạo nên bà A đã chiếm phần đất mà cụ T đã làm di chúc cho bà P xây nhà tường kiên cố để ở. Phía ông và bà P có ngăn cản nhưng bà A vẫn ngang nhiên xây dựng cho đến khi hoàn thành. Ngoài ra, trên phần đất lúa, bà P có cho ông trồng tràm trên đó để làm nguồn thu nhập nuôi bà P nhưng bà A đã tự ý nhổ bỏ làm thiệt hại tài sản cho bà P với số tiền là 15.000.000 đồng. Nay bà P đã rất nhường nhịn nhưng bà A ngày càng lấn lướt, vì vậy ông yêu cầu xem xét theo yêu cầu bà P không đồng ý theo yêu cầu phản tố của bà A, đề nghị bà A giao trả lại đất cho P và bồi thường thiệt hại cho bà P số tiền 15.000.000 đồng. Ông xác định không yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Huỳnh Ngọc A trình bày: Đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Huỳnh Thị P phía bà A không đồng ý bởi di chúc cụ T lập ngày 04/10/2007 không hợp pháp do chưa đảm bảo về hình thức, điều kiện có hiệu lực của di chúc theo quy định Điều 630, Điều 631 của Bộ luật dân sự năm 2015. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 15.000.000 đồng của bà P, bà A cũng không đồng ý vì phần đất tranh chấp chưa được công nhận cho bà P nên bà P không có quyền ngăn cản cho bà A sử dụng. Mặc khác, phía bà A có yêu cầu phản tố, phản tố bổ sung, bà A yêu cầu công nhận việc cụ T di tặng cho bà phần đất bờ xáng ngang 7m x dài 42m từ mé sông chạy vào trong và 0,5 công đất tràm, các phần đất này được thống nhất xác định thuộc thửa 314, 322 tờ bản đồ 25, tọa lạc tại ấp T, xã T, tỉnh An Giang thể hiện tại "Giấy cắt đất cho con" lập ngày 07/7/2009. Việc cho đất đã thể hiện bằng văn bản có chính quyền xác nhận và bà A cũng được nhà nước cất nhà đồng đội tại phần đất này và ở ổn định cho đến nay. Mặc dù, đất tranh chấp cụ T chưa đi kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng các thửa đất trên có nguồn gốc của cụ T khai phá và gia đình cụ đã sử dụng ổn định không ai tranh chấp, tranh chấp chỉ xảy ra khi cụ qua đời. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà A, công nhận cho bà A được quyền sử dụng các diện tích đất 512,5m$^2$ một phần của thửa 314, bản đồ 25 loại đất tràm và diện tích đất thửa 322 diện tích 234,2m$^2$ (trên phần đất này có căn nhà tường cấp 4 của bà Huỳnh Ngọc A xây dựng có diện tích là 64m$^2$), một phần của thửa 322, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp T, xã T, tỉnh An Giang.

*Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự trong vụ án được thực hiện đúng trình tự tố tụng D pháp luật tố tụng dân sự quy định. Tuy nhiên, còn vi phạm thời hạn giải quyết vụ án, đề nghị khắc phục trong thời gian tới.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị P yêu cầu công nhận bản di chúc do cha bà là cụ Huỳnh Văn T xác lập vào ngày 04/10/2007 là hợp pháp, công nhận quyền thừa kế theo di chúc phần đất bờ sáng diện tích ngang 21m x dài 45m, tổng diện tích chung 945m$^2$, thuộc thửa 314, bản đồ 25, và miếng đất

tràm diện tích 02 công 02 gốc 03 tầm 3m thuộc thửa 314, bản đồ 25 đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang thuộc quyền sử dụng của bà. Buộc bà Huỳnh Ngọc A phải tháo dỡ nhà di dời đi nơi khác, giao trả lại phần đất bờ sáng mà bà đã cho bà A cất nhà ở để bà sử dụng và bồi thường thiệt hại phần tràm bị nhổ số tiền 15.000.000 đồng. Phía bị đơn bà Huỳnh Ngọc A phản tố yêu cầu công nhận "Giấy cắt đất cho con" Do ông T lập ngày 07/7/2009 là hợp pháp, yêu cầu công nhận quyền thừa hưởng theo di chúc diện tích ngang 7m x dài khoảng 46m trong tổng diện tích 945m$^2$ và 648m$^2$ đất ruộng thuộc thửa 314, bản đồ số 25, đất tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang, buộc bà P chấm dứt hành vi ngăn cản bà sử dụng diện tích 648m$^2$ đất ruộng .

Các đương sự đều xác định nguồn gốc đất của cụ Huỳnh Văn T (đã chết là cha của các đương sự) để lại, tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp diện tích là 512,5m$^2$ một phần của thửa 314, bản đồ 25 loại đất tràm và diện tích đất thửa 322 diện tích 234,2m$^2$ (trên phần đất này có căn nhà tường cấp 4 của bà Huỳnh Ngọc A xây dựng có diện tích là 64m$^2$), một phần của thửa 322, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Nguyên đơn cung cấp tờ di chúc lập 04/10/2007, giấy chứng nhận thực trạng diện tích đất ruộng 1982 (bản photo), ngoài ra không còn tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh quyền sử dụng đất các thửa trên thuộc quyền sử dụng đất của cụ T, cụ T cũng không đứng tên trên sổ mục kê hoặc sổ địa chính, cụ cũng chưa kê khai để được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, và tại Công văn 945/UBND-TNMT ngày 25/11/2021 và Công văn 219/UBND-TNMT ngày 24/3/2023 cũng đã xác định đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xét tính hợp pháp của di chúc lập ngày 04/10/2007 do nguyên đơn cung cấp thể hiện bằng văn bản dạng viết tay, có các con cụ T ký tên, có Tổ trưởng và Ủy ban nhân dân xã T xác nhận. Theo nội dung di chúc không thể hiện rõ thửa đất nào, tọa lạc ở đâu. Mặc khác, tại thời điểm cụ T lập di chúc thì đất chưa thể hiện trong sổ địa chính, sổ mục kê và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì cụ T chưa đi kê khai và không có một loại giấy tờ đất được lập trước năm 1993 theo quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị định 60/CP ngày 05/7/1994 của Chính Phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 1993 nên căn cứ theo quy định Điều 188 Luật đất đai 2013 không đủ điều kiện để thực hiện việc định đoạt theo di chúc nên đối với yêu cầu khởi kiện của bà P về việc công nhận di chúc lập ngày 04/10/2007 là hợp pháp, công nhận quyền thừa kế theo di chúc là không có căn cứ để chấp nhận. Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản, do không có căn cứ công nhận di chúc cho bà P, nên cũng không có căn cứ xác lập quyền sử dụng đất cho bà đối với diện tích đất 3.450,2m$^2$, trong đó có phần đất bà A sử dụng có diện tích 512,5m$^2$ tranh chấp. Mặc khác, bà P không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh số tràm mà bà đã trồng bị thiệt hại bao nhiêu, giá trị tại thời điểm thiệt hại nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu bồi thường này của bà P.

Đối với yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Ngọc A, căn cứ vào giấy cắt đất cho con viết tay lập ngày 07/7/2009 nội dung cũng không xác định rõ đất thuộc thửa nào, tọa lạc ở đâu và cụ T cũng không được cấp giấy chứng nhận nên cũng không

có cơ sở xác định đất thuộc quyền sử dụng định đoạt của cụ T. Vì vậy bà A yêu cầu cũng không có cơ sở công nhận.

Căn cứ theo quy định khoản 5, 6 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 652, Điều 658 của Bộ luật dân sự năm 2005, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, khởi kiện bổ sung của bà P và yêu cầu phản tố, phản tố bổ sung của bà A.

Về án phí và chi phí tố tụng đề nghị Hội đồng xét xử buộc các đương sự nộp theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị P khởi kiện yêu cầu công nhận di chúc hợp pháp, quyền thừa kế theo di chúc, buộc tháo dỡ nhà trả đất, bồi thường thiệt hại tài sản và công nhận quyền sử dụng đất được di tặng và bị đơn bà Huỳnh Ngọc A yêu cầu công nhận việc cho đất nên đây là các tranh chấp về dân sự được quy định tại khoản 3, 5 và khoản 6 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và đất tranh chấp tọa lạc cũng như bị đơn bà Huỳnh Ngọc A có nơi cư trú tại xã T, tỉnh An Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn B, bà Huỳnh Thị Mai, bà Huỳnh Thị L có đơn xin vắng nên Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang tiến hành đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt các đương sự trên là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã có thông báo yêu cầu các đương sự cung cấp thông tin của những người thuộc hàng thừa kế của cụ Huỳnh Văn T, cụ Nguyễn Thị Th (cha mẹ các đương sự, cụ T mất năm 2012, cụ Th mất năm 2007), thì các bên đã xác định gồm có ông Huỳnh Văn Ph, bà Huỳnh Ngọc A, ông Huỳnh Văn D, bà Huỳnh Thị Mai, ông Huỳnh Văn B, bà Huỳnh Thị L. Ông Ph đã chết vào năm 2019 và các đương sự xác định ông Phu có 05 người con nhưng hiện sinh sống ở đâu các đương sự không biết và không cung cấp được. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang không có thông tin để đưa các con của ông Huỳnh Văn Ph vào tham gia tố tụng để thể hiện ý kiến và xác định có yêu cầu hay không? Tuy nhiên, ông Phu chết năm 2019 sau thời điểm cụ T và cụ Th chết nên các con ông Ph không thuộc hàng thừa kế thế vị. Ngoài ra, các đương sự trong vụ án không yêu cầu công nhận di sản thừa kế cụ T để lại và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật nên không đưa các con ông Ph vào tham gia tố tụng là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án: Đối tượng tranh chấp trong vụ kiện được các bên thống nhất xác định là quyền sử dụng theo thực tế đo đạc có diện tích là 512,5m$^2$ một phần của thửa 314, bản đồ 25 loại đất tràm và diện tích đất 234,2m$^2$ một phần thửa 322 loại đất ở và cây lâu năm thuộc tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp T, xã T, tỉnh An Giang) được thể hiện chi tiết

tại tờ trích đo địa chính số TĐ 118 -2024 (322-25) ngày 26/4/2024 và TĐ 215 - 2023 (314-25) ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là Văn phòng đăng ký đất đai khu vực liên xã Giồng Riềng). Các diện tích đất trên có nguồn gốc của cụ Huỳnh Văn T khai phá, đất chưa được kê khai cấp giấy, chưa thể hiện trong sổ mục kê địa chính, chỉ thể hiện qua sơ đồ dãy thửa và theo thực tế các bên sử dụng. Mặc khác, các thửa đất qua xem xét thẩm định tại chỗ, các đương sự đều không xác định được diện tích và vị trí toàn thửa 314 nhưng diện tích thực tế đo đạc chỉ thể hiện 3.450,2m$^2$ chênh lệch thiếu so với diện tích thể hiện trên sổ mục kê (5.800m$^2$)

[2.1] Phía nguyên đơn bà Huỳnh Thị P yêu cầu công nhận "Tờ di chúc" do cụ Huỳnh Văn T lập ngày 04/10/2007 là hợp pháp, công nhận quyền thừa hưởng theo di chúc cho bà đối với diện tích đất bờ xáng và đất ruộng, buộc bà Huỳnh Ngọc A phải tháo dỡ nhà di dời đi nơi khác để giao trả đất lại cho bà. Xét yêu cầu khởi kiện trên của bà P, Hội đồng xét xử thấy rằng: Xét tính hợp pháp của "Tờ di chúc" lập ngày 04/10/2007 D bà P cung cấp, thì đây là di chúc bằng văn bản thể hiện dưới dạng viết tay, tuy nhiên các đương sự chỉ biết cụ T lập di chúc này nhưng không xác định chữ viết của cụ T hay của ai. Theo quy định tại Điều 649, Điều 650, Điều 652, Điều 653, Điều 654, Điều 655, Điều 656 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định di chúc được xem là hợp pháp phải có có đủ các điều kiện sau: " *……Nội dung di chúc không được trái pháp luật, đạo đức xã hội, hình thức di chúc không được trái quy định của pháp luật*" và "*Trong trường hợp người lập di chúc không thể tự mình viết bản di chúc, thì có thể nhờ người khác viết, nhưng phải có ít nhất là hai người làm chứng. Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt những người làm chứng, những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc"*. Tuy nhiên "Tờ di chúc" ngày 04/10/2007 không thể hiện có người làm chứng, trong khi đó di chúc cụ T lại thể hiện các con của cụ thống nhất đồng ý ký tên vào tờ di chúc trên là không phù hợp với quy định tại Điều 656 của Bộ luật dân sự năm 2005. Mặc khác, tại phiên Tòa, các đương sự cũng không xác định ai là người viết di chúc này, chỉ biết di chúc cụ T lập ngày 04/10/2007, đến ngày 17/10/2007 trưởng ấp ký xác nhận và đến ngày 24/10/2007 chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Thanh Ngói ký xác nhận là chưa phù hợp, không đảm bảo về số người làm chứng tại thời điểm lập di chúc viết hộ và không đảm bảo về mặt thời gian theo quy định, nội dung xác nhận của các cấp chính quyền xã Thạnh Lộc (cũ) chỉ thể hiện *"theo đơn của ông Huỳnh Văn T là sự thật".* Tại Điều 653 và Điều 654 của Bộ luật dân sự 2005 cũng quy định nội dung của di chúc bằng văn bản phải đảm bảo đầy đủ họ tên nơi cư trú người lập di chúc, họ tên người được hưởng di chúc, di sản để lại và nơi có di sản… nhưng di chúc do cụ T lập ngày 04/10/2007 không xác định di sản để lại và nơi có di sản ở đâu chỉ thể hiện nội dung di sản là đất bờ xáng và đất ruộng mà không nêu rõ đó là gồm các thửa đất nào ở đâu. Mặc khác, tiêu đề thể hiện tờ di chúc nhưng nội dung lại là đơn gửi Ban lãnh đạo ấp T và Ủy ban nhân dân xã T xin xác nhận cho ý kiến của cụ T. Vì vậy tờ di chúc lập ngày 04/10/2007 do cụ T để lại không đủ điều kiện để công nhận di chúc hợp pháp nên bà P yêu cầu công nhận di chúc cụ T lập ngày 04/10/2007 hợp pháp là không có căn cứ. Do di

chúc được xác định không hợp pháp nên đối với yêu cầu của bà Huỳnh Thị P về việc công nhận quyền được thừa hưởng theo di chúc đối với diện tích đất nêu trên, buộc bà A tháo dỡ nhà giao trả lại cho bà quyền sử dụng đất một phần thửa 322 diện tích là 234,2m$^2$ và một phần thửa 314 diện tích là 512,5m$^2$, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp T, xã T, tỉnh An Giang là không có căn cứ để chấp nhận. Mặc khác, do không có căn cứ công nhận di chúc cho bà P, nên cũng không có căn cứ xác lập quyền sử dụng đất cho bà đối với diện tích đất 3.450,2m$^2$, trong đó có phần đất bà A sử dụng có diện tích 512,5m$^2$. Mặc khác, bà P có yêu cầu buộc bà A bồi thường thiệt hại phần đất trồng tràm 0,5 công do bà A nhổ đốn bỏ, do không công nhận di chúc hợp pháp và không công nhận quyền thừa hưởng theo di chúc cho bà P đối với diện tích đất nêu trên và bà P cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh số tràm mà bà đã trồng bị thiệt hại bao nhiêu, giá trị tại thời điểm thiệt hại nên xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị P.

[2.2] Xét yêu cầu phản tố, phản tố bổ sung của bà Huỳnh Ngọc A về việc yêu cầu công nhận "Giấy cắt đất cho con" lập ngày 07/7/2009 là hợp pháp. Công nhận cho bà được quyền sử dụng diện tích đất theo thực tế đo đạc là 512,5m$^2$ một phần của thửa 314, bản đồ 25 loại đất tràm và diện tích đất 234,2m$^2$ một phần thửa 322 loại đất ở và cây lâu năm thuộc tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp T, xã T, tỉnh An Giang). Theo trình bày của bà A thì bà xác định giấy này là di chúc cụ Huỳnh Văn T lập để lại cho bà quyền thừa hưởng di chúc đối với quyền sử dụng đất nêu trên. Tuy nhiên, tại phiên Tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà A cũng như ý kiến của bà cho rằng "Giấy cắt đất cho con" do cụ T lập ngày 07/7/2009 là thể hiện việc cụ T tặng cho bà phần diện tích đất nêu trên. Qua xem xét "Giấy cắt đất cho con" cũng như tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như "Giấy chứng nhận thực trạng diện tích ruộng đất" năm 1982 do ông Huỳnh Văn D cung cấp (bản photo) thể hiện thửa đất được cấp cho cụ Huỳnh Văn T là thửa 328 có diện tích là 18.500m$^2$ và thửa 04 diện tích 650m$^2$ nhưng thực tế qua xem xét thẩm định tại chỗ thì các thửa đất tranh chấp là thửa 314 loại đất hoang có diện tích thể hiện trên sổ mục kê là 5.800m$^2$ và thửa 322 loại đất thổ cư vườn diện tích là 617m$^2$. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự có yêu cầu công nhận quyền thừa hưởng đối diện tích đất trên là đất ruộng và đất bờ xáng, tuy nhiên các bên không xác định được ranh giới của các thửa đất đến vị trí nào, chỉ xác định các đương sự sử dụng đến đâu thì là phần đất đó. Việc cụ T thể hiện ý chí cắt một phần đất bờ xáng và 0,5 công đất tràm đã cho bà P vào ngày 04/10/2007 để cho bà Huỳnh Ngọc A nhưng các thửa đất này cụ T chưa được Nhà nước xác lập quyền sử dụng đất cũng như việc cụ T đi kê khai tại thời điểm nhà nước thực hiện chính sách đất đai để cấp giấy. Mặc khác, tại Công văn 945/UBND-TNMT ngày 25/11/2021 và Công văn 219/UBND-TNMT ngày 24/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng cũng xác định các thửa đất 314 và 322 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng cụ Huỳnh Văn T là cha của bà P, bà A là người có công khai phá. Trong khi đó, ngoài diện tích đất của hai thửa đất mà các đương sự tranh chấp thì cụ T còn phần đất ruộng và đã thể hiện ý chí việc chia cho các con theo phần nhưng các đương sự cũng

không xác định phần đất cụ T chia cho các con là thửa đất nào. Mặc khác tại thời điểm cụ T lập di chúc thì đất chưa thể hiện trong sổ địa chính, sổ mục kê và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì cụ T chưa đi kê khai và không có một loại giấy tờ đất được lập trước năm 1993 theo quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị định 60/CP ngày 05/7/1994 của Chính Phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 1993 nên căn cứ theo quy định Điều 188 Luật đất đai 2013 không đủ điều kiện để thực hiện việc định đoạt theo di chúc và di tặng cho bà A các phần đất nêu trên là trái với quy định của pháp luật. D đó, bà A yêu cầu phản tố công nhận cho bà diện tích đất theo thực tế đo đạc là 512,5m$^2$ một phần của thửa 314, bản đồ 25 loại đất tràm và diện tích đất 234,2m$^2$ (trên đất có căn nhà tường của bà A diện tích 64m$^2$) một phần thửa 322 loại đất ở và cây lâu năm thuộc tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp T, xã T, tỉnh An Giang) cho bà sử dụng là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tuy nhiên, do diện tích đất hiện các bên đang sử dụng và tranh chấp thuộc thửa 322 và 314 có nguồn gốc của cụ Huỳnh Văn T (cha của các đương sự) khai hoang và cụ T đã sử dụng ổn định không ai tranh chấp, sau khi cụ T chết thì các con phát sinh tranh chấp. D đó, trong trường hợp yêu cầu di chúc không được công nhận hợp pháp cũng như việc di tặng không được công nhận thì các đương sự trong vụ kiện có quyền yêu cầu công nhận di sản thừa kế do cụ T để lại và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Tuy nhiên, bà P, bà A và những người có quyền lợi liên quan không ai yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét. Trường hợp sau này các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác hoặc giữa các bên không còn tranh chấp và đất các bên sử dụng ổn định thì đi đăng ký kê khai để được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất thực tế các bên sử dụng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định khoản 3, 5, 6 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 589, Điều 624, Điều 627, Điều 630, Điều 631, Điều 632, Điều 633, Điều 634 của Bộ luật dân sự năm 2015 ; Điều 168 của luật đất đai năm 2013; không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị P và toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Huỳnh Ngọc A.

Bà P, bà A tiếp tục sử dụng tài sản và diện tích đất đã và đang sử dụng từ trước cho đến nay, không ai có hành vi ngăn cản không cho sử dụng cho đến khi một trong các bên đương sự trong vụ án có yêu cầu khởi kiện mới và có quyết định giải quyết vụ việc.

[3] Về án phí, chi phí tố tụng:

[3.1] Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 7 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; do yêu cầu của của bà P về công nhận di chúc hợp pháp và yêu cầu công nhận quyền thừa kế theo di chúc không được chấp nhận nên buộc bà P chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng và yêu cầu bồi

thường thiệt hại tài sản số tiền là 15.000.000 đồng không được chấp nhận nên bà P phải chịu án phí có giá ngạch là 15.000.000 đồng x 5% = 750.000 đồng. Tổng cộng án phí dân sự sơ thẩm buộc bà P phải nộp là 1.050.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà P đã nộp 450.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005596 ngày 30/10/2020 và số tiền 2.600.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007939 ngày 24/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 - An Giang). Hoàn trả lại cho bà P tiền tạm ứng án phí thừa là 2.000.000 đồng.

Yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Ngọc A không được chấp nhận nên bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng nhưng bà A là người cao tuổi thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí và có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí, án phí nên bà A không phải nộp.

[3.2] Về chi phí tố tụng: Áp dụng khoản 2 Điều 157 và khoản 2 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đất tranh chấp là 963.000 đồng theo hóa đơn số 00001018 ngày 22/5/2024 và 2.074.000 đồng theo hóa đơn số 00001261 ngày 30/5/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Giồng Riềng và chi phí thẩm định giá đất tranh chấp là 7.700.000 đồng theo hóa đơn số 94 ngày 13/02/2025 của Công ty cổ phần thẩm định giá và dịch vụ Toàn Cầu, do yêu cầu của bà P và bà A không được chấp nhận nên cả hai phải chịu các khoản chi phí tố tụng là 10.737.000 đồng, mỗi người phải chịu số tiền là 5.368.500 đồng nhưng do bà P đã nộp xong nên buộc bà A giao trả lại cho bà P số tiền là 5.368.500 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3, 5, 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273; khoản 2 Điều 157 và khoản 2 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 7 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 589, Điều 624, Điều 627, Điều 630, Điều 631, Điều 632, Điều 634, Điều 646 của Bộ luật dân sự 2015; xử:

1. Không **c**hấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, khởi kiện bổ sung của nguyên đơn bà Huỳnh Thị P về việc yêu cầu công nhận di chúc lập ngày 04/10/2007 là hợp pháp, công nhận quyền thừa hưởng di sản thừa kế theo di chúc, buộc bà A tháo dỡ nhà di dời đi nơi khác giao trả đất và bồi thường thiệt hại về tài sản là cây trồng trên đất với số tiền là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng)

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố, phản tố bổ sung của bà Huỳnh Ngọc A về việc yêu cầu công nhận "Giấy cắt đất cho con" lập ngày 07/7/2009 là hợp pháp, công nhận cho bà quyền sử dụng đất theo ý chí của cụ T.

Bà P, bà A tiếp tục sử dụng tài sản và diện tích đất đã và đang sử dụng từ trước cho đến nay, không ai có hành vi ngăn cản không cho sử dụng cho đến khi một trong các bên đương sự trong vụ án có yêu cầu khởi kiện mới.

3. Về án phí:

Buộc bà Huỳnh Thị P chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và có giá ngạch là 1.050.000 đồng (một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà Huỳnh Thị P đã nộp 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005596 ngày 30/10/2020 và số tiền 2.600.000 đồng (hai triệu sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007939 ngày 24/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 - An Giang). Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị P tiền tạm ứng án phí thừa là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Buộc bà Huỳnh Ngọc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng bà A là người cao tuổi thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí và có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí, án phí nên bà A không phải nộp.

4. Về chi phí tố tụng: Bà Huỳnh Thị P và bà Huỳnh Ngọc A phải chịu các khoản chi phí tố tụng là 10.737.000 đồng (mười triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn đồng), mỗi người phải chịu số tiền là 5.368.500 đồng (năm triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm đồng) nhưng do bà Huỳnh Thị P đã nộp xong nên buộc bà Huỳnh Ngọc A giao trả lại cho bà Huỳnh Thị P số tiền là 5.368.500 đồng (năm triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm đồng).

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (mười lăm) ngày, đương sự có mặt được tính kể từ ngày tuyên án (Ngày ngày 10 -12 - 2025); Đương sự vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 7d và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND KV5 –An Giang;
- Phòng THADS KV5- AG
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**